

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

VITRANSCHART JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 4, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS T.0300448709
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2023.03.28 16:31:24+0700
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

2022

www.vitranschart.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin công ty

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Tên viết tắt	Vitranschart JSC
Mã cổ phiếu	VST
Vốn điều lệ	669.993.370.000 VND
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(028) 3940 4271
Website	www.vitranschart.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2022 với mã doanh nghiệp là 0300448709
Logo	

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Giai đoạn	Quá trình hình thành và phát triển
1975	Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải
1976	Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.
1984	Công ty Vận tải và Thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.
1993	Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart)
2007	Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập – Tên viết tắt là Vitranschart JSC

Giai đoạn	Quá trình hình thành và phát triển
2009	Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.
2010	Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.
2015	Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.
2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng.
2020	Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng.
02.2023	Công ty tăng vốn điều lệ từ 629.993.370.000 đồng lên 669.993.370.000 đồng.
Đến nay	Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chi tiết của công ty như sau:

- Vận tải biển: Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực đội tàu gồm 07 chiếc có trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT, tổng trọng tải 144.890 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế. Sau khi bán thành công tàu VTC Planet vào ngày 17/9/2022, đội tàu còn 06 chiếc, tổng trọng tải 122.714 DWT.
- Tuyển dụng và cung ứng lao động hàng hải: Tuyển dụng, đào tạo, cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v...)

2.2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn	Tỷ trọng (%) 2021	Tỷ trọng (%) 2022
Khu vực Đông Nam Á	11%	22%
Khu vực Trung Đông - Nam Á/ Đông Nam Á - Đông Bắc Á	7%	21%
Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á	35%	18%
Khu vực Đông Nam Á - Nam Á	18%	11%
Khu vực Đông Nam Á - Tây Á	6%	7%
Khu vực Nam Á		5%
Khu vực Đông Bắc Á - Nam Á	9%	4%
Khu vực Đông Bắc Á	7%	3%
Khu vực khác	7%	9%
Tổng cộng	100%	100%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Công ty theo quy định tại điểm a, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Vitranschart JSC là đơn vị thành viên của **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)**. Số lượng cổ phần VIMC nắm giữ đến thời điểm báo cáo: 29.888.000 cổ phần, chiếm 44,61% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

Trụ sở chính VIMC: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của VIMC:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.
- Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa.
- Hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty con

Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh:

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (HaiDang SMC)

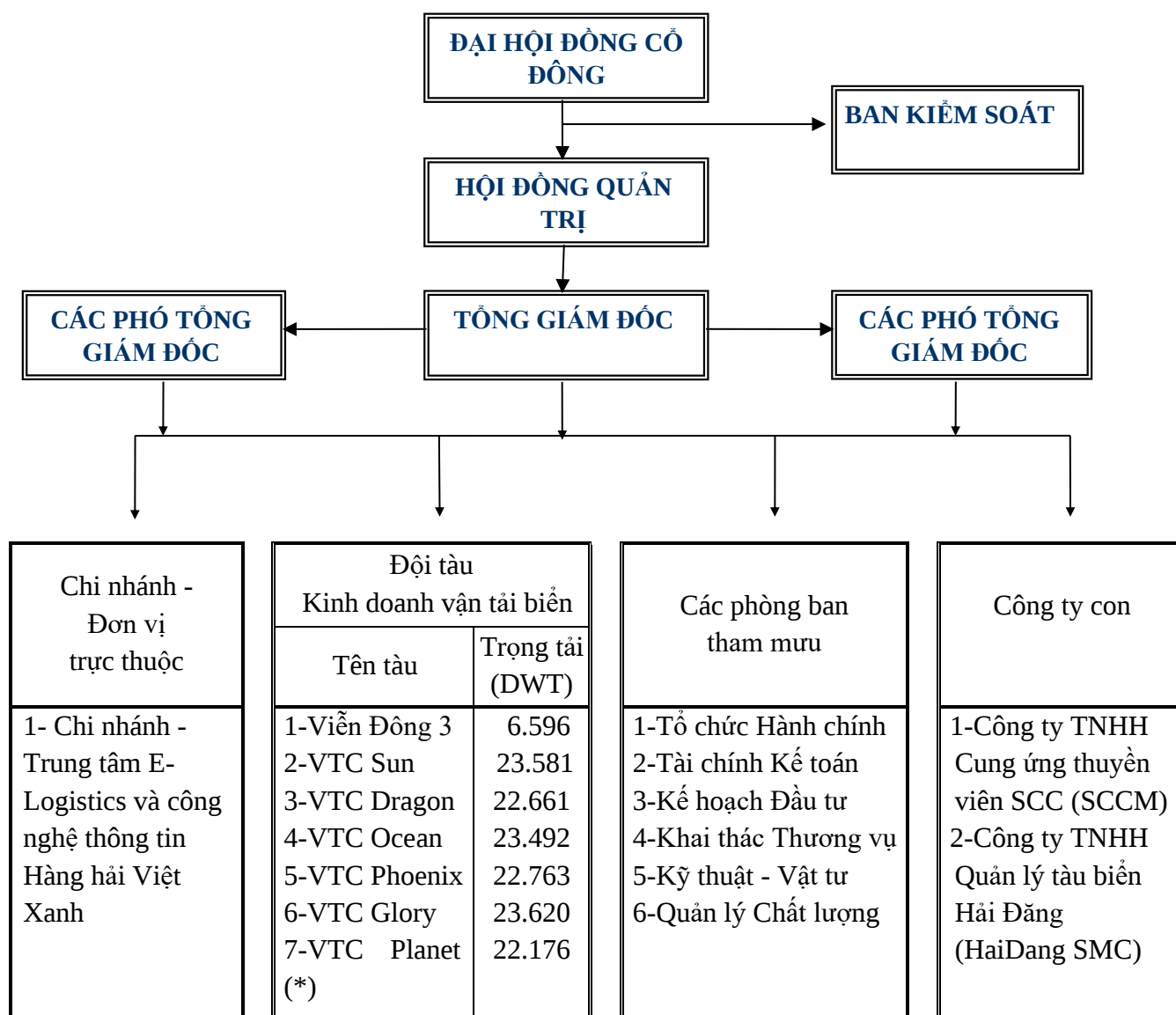
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển, bao gồm Thuê và Cho thuê tàu biển;
- Dịch vụ quản lý tàu biển;

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



Ghi chú: (*) Tàu VTC Planet đã được bán thành công vào ngày 17/9/2022.

4. Định hướng phát triển

Phương án kinh doanh: Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

Kế hoạch tài chính:

- Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
- Thông qua VIMC để tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc đối với các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).

Phát triển nguồn nhân lực:

- Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
- Vận hành Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator - KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.

- Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người lao động.
- Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

- ✚ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- ✚ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✚ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty, duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các yếu tố rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế và chính trị

Covid-19 đã làm đảo lộn kinh tế thế giới 2 năm liên tiếp, với những diễn biến không thể đoán trước. Bước sang năm 2022, Bloomberg Economics cho rằng toàn cầu sẽ còn phải đối mặt với nhiều rủi ro nữa, từ biến chủng Omicron, lạm phát, Mỹ nâng lãi suất, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, chính sách tài khóa thắt chặt và bất ổn chính trị khắp nơi khiến kinh tế thế giới càng khó đoán.

Công ty luôn theo dõi sát tình hình dịch bệnh và tình hình chính trị thế giới, đặt biệt lưu ý tình hình các cảng, các khu vực mà đội tàu công ty đang khai thác hoặc dự kiến hoạt động, chủ động liên hệ các đại lý và các cơ quan hữu quan để nắm tình hình v.v. để từ đó có thể đánh giá rủi ro và chủ động ứng phó.

5.2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của đội tàu Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó đội tàu Công ty phải tuân thủ các Bộ luật, các công ước và thông lệ quốc tế về hàng hải rất khắt khe. Ngoài luật và thông lệ quốc tế, đội tàu Công ty cũng phải tuân thủ luật và thông lệ của các quốc gia và vùng lãnh thổ nơi đội tàu khai thác. Công ty sẽ chịu nhiều rủi ro một khi có sự thay đổi bất chợt về luật định.

Do đặc thù luật và thông lệ hàng hải quốc tế, Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro bắt giữ tàu xuất phát từ các tranh chấp hay khiếu nại hàng hải. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Công ước Lao động Hàng hải 2006 (MLC 2006 có yêu cầu khắt khe; Các Quy định về lương Bảo hiểm xã hội và mức lương tối thiểu vùng vẫn còn nhiều bất cập để áp dụng cho Thuyền viên trong thời gian nghỉ dự trữ).

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp hướng đến tuân thủ các quy định mới, chú trọng công tác quản trị rủi ro, nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5.3. Rủi ro hàng hải

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần, ... Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị trên ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển....

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất, đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.

5.4. Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, theo đó việc Công ty tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút đội ngũ kế thừa trong tương lai.

5.5. Rủi ro khác

Các công ty vận tải biển thường có giá trị tài sản dài hạn và nợ vay lớn (khoảng 80% tổng tài sản và nguồn vốn), do đó lãi suất hay tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Kết thúc năm 2022, tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ở mức 23.580 đồng/USD, tăng hơn 3,5%% so với tỷ giá đầu năm 2022: 22.786 đồng/USD.

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán ... nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thị trường cước tàu hàng khô rời trong Quý I/2022 đã giảm mạnh so với Quý IV/2021 do nhiều nguyên nhân: (1) Thị trường điều chỉnh giảm sau khi tăng đột biến trong Quý IV/2021; (2) Ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Tết Âm lịch thị trường theo mùa thường xuống thấp hàng năm; (3) Tâm lý thị trường bất ổn do chưa có được bức tranh rõ nét trước thông tin về xung đột chiến sự giữa Nga và Ukraine hồi tháng 02/2023.

Quý II và Quý III/2022, thị trường cước vận tải biển vẫn chưa bình ổn và tiếp tục giảm sâu do chính sách zero covid của Trung Quốc, các bất ổn chính trị trên thế giới liên quan đến chiến tranh giữa Nga-Ukraine cùng các tác động chung của lạm phát kinh tế đã gây rất nhiều khó khăn cho ngành vận tải biển và ảnh hưởng đến cung cầu hàng hóa.

Quý IV/2022, diễn biến thị trường cước tàu hàng khô rời không như mong đợi. Chỉ số bình quân toàn thị trường đã bị sụt giảm xuống mức thấp nhất trong năm.

Bình quân cả năm 2022, BDI và BHSI lần lượt ở mức 1.936 điểm /1.187 điểm, so với cùng kỳ năm ngoái, giảm 1011 điểm (34%) và giảm 242 điểm (17%) tương ứng;

Tại thời điểm kết thúc năm 2022, chỉ số BDI và BHSI lần lượt là 1.515 và 663 điểm, giảm mạnh 32% và 55% so với cùng thời điểm năm 2021.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 toàn công ty lãi 217,45 tỷ đồng, vượt xa yêu cầu cân bằng theo kế hoạch của năm 2022 do Ban lãnh đạo Công ty đã bám sát diễn biến thị trường, áp dụng các giải pháp tháo gỡ khó khăn, chủ động đấu tranh đàm phán hợp đồng với người thuê tàu để tăng giá cước cho đội tàu, tận dụng cơ hội thị trường mua bán tàu cải thiện bán thành công tàu VTC Planet (29 tuổi) vào giữa tháng 09/2022 góp phần đáp ứng được mục tiêu hoàn thành nghĩa vụ trả nợ DATC theo đúng thỏa thuận, nghĩa vụ nợ được giảm và có lãi lớn đóng góp vào kết quả chung. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo chi đúng, chi cần thiết. Vì vậy kết quả kinh doanh đã được cải thiện rõ rệt. Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	DVT	TH 2021	KH 2022 (*)	TH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022 / KH 2022
1. Sản lượng vận chuyển	Nghìn Tấn	1.431,26	1.433,03	1.482,00	103%	103%
3. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	633,46	687,27	958,28	151%	139%
- Vận tải	Tỷ VND	337,82	516,30	572,09	169%	111%
- Kinh doanh khác	Tỷ VND	164,64	170,46	205,94	125%	121%
- HĐTC & thu nhập khác	Tỷ VND	131,00	0,51	180,25	138%	35343%
4. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	0,26	Cân bằng	217,45	151%	
- Vận tải	Tỷ VND	(118,81)	(59,80)	45,45		
- Kinh doanh khác	Tỷ VND	11,81	9,69	14,63	124%	151%
- HĐTC & thu nhập khác	Tỷ VND	107,26	(3,71)	157,37	147%	139%

(*): Tổng doanh thu đã trừ các khoản giảm trừ.

Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:

Sản lượng: Năm 2022 thực hiện 1,48 triệu tấn, vượt 3% so với kế hoạch và tăng 3% so với năm 2021.

Doanh thu: Tổng doanh thu cả năm thực hiện 958,28 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch và tăng 51% so với năm trước, bao gồm:

+ Doanh thu vận tải thực hiện 572 tỷ đồng, vượt 11% so với kế hoạch và tăng 69% (234,3 tỷ đồng) so với năm 2021 do hưởng lợi từ thị trường cước tàu hàng khô tăng đột biến vào những tháng cuối năm 2021 bởi nguồn cung tàu bị thiếu hụt.

+ Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện gần 206 tỷ đồng, tăng 21% so với kế hoạch năm và tăng 25% (41,3 tỷ đồng) so với năm trước chủ yếu từ kinh doanh cho thuê thuyền viên nước ngoài tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác (bao gồm khoản thu từ xóa nợ gốc và lãi vay) thực hiện 180,25 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2021 chủ yếu khoản thu nhập từ bán tàu VTC Planet và miễn trừ trả nợ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Lãi (lỗ): Cả năm toàn Công ty lãi 217,4 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch và tăng lãi 217,2 tỷ đồng so với cùng kỳ 2021.

Cụ thể:

+ Kinh doanh vận tải: Lãi 45,4 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch và tăng 164,3 tỷ đồng so với năm trước do doanh thu tăng 69% trong khi các chi phí liên quan đến khai thác tàu chỉ tăng gần 15% so với năm 2021.

+ Kinh doanh dịch vụ khác: Lãi 14,6 tỷ đồng, tăng 51% so với kế hoạch năm và 24% so với năm trước. Mặc dù vẫn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, công tác thay thuyền viên gặp nhiều khó khăn nhưng Lãnh đạo SCCM và tập thể CBNV – SQTV đã vận dụng mọi giải pháp để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được những thành tích rất đáng khích lệ trong hoạt động cho thuê thuyền viên.

+ Hoạt động tài chính và khác: Lãi 157,4 tỷ đồng (bao gồm lãi bán tàu VTC Planet và xóa nợ phải trả ngân hàng) tăng 47% so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành (tính đến thời điểm 21/03/2023):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	Đại diện: 9.379.907	Chiếm 14%
2	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	8.002	Chiếm 0,01%
3	Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Lê Kim Phụng	Kế toán trưởng	6.108	Chiếm 0,009%

b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➤ Ông Trịnh Hữu Lương

- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
2000 – 8/2006	Chuyên viên phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
9/2006 – 7/2007	Phó phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
8/2007 – 11/2011	Ủy viên HĐQT thường trực kiêm Phụ trách tài chính Công ty Vận tải Biển Bắc
12/2011 – 8/2012	Trưởng Phòng thư ký tổng hợp-Thư ký Tổng giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (HHVN)
8/2012 – 2/2013	Phó trưởng ban tài chính kiêm trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công ty HHVN
2/2013 – 1/2014	Phó trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty HHVN
02/2014 – 6/2014	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty HHVN
7/2014 – 1/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng
2/2015 – 5/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2015 – 4/2016	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2016 – 5/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (được đổi tên từ Công ty CP Vận tải Biển Bắc)
6/2020 – 8/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
9/2020 – 4/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2021 – 4/2022	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

➤ Bà Mai Thị Thu Vân

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1998 - 1/2008	- Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007)
1/2008 - 4/2012	- Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
4/2012 - 6/2018	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
7/2018 – 7/2019	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

➤ Ông Vương Nguyễn Triều Quang

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ vỏ tàu biển và kỹ thuật Hàng hải

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
8/2008 – 10/2016	Chuyên viên chính Phòng kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
11/2016 – 7/2020	Phó trưởng Phòng Vật tư Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam

➤ Bà Lê Kim Phượng

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiền tệ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
5/2000 - 8/2004	Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2004 - 9/2014	Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
9/2014 - 7/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

c. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2022, không có thay đổi trong Ban điều hành.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2022:

Toàn công ty:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	700	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	207	29,57%
2	Trình độ cao đẳng	165	23,57%
4	Trình độ trung cấp	78	11,14%
5	Công nhân kỹ thuật	56	8,00%
6	Lao động phổ thông	194	27,71%
II	Theo loại hợp đồng lao động	700	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	516	73,71%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	3	0,43%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	181	25,86%

III	Theo giới tính	700	100,00%
1	Nam	668	95,43%
2	Nữ	32	4,57%

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- **Chính sách lương thưởng**

Năm 2022, Công ty tiếp tục áp dụng Quy chế phân phối tiền lương 3Ps, theo đó chú trọng đánh giá hiệu quả công việc, KPI vừa đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về tiền lương vừa khuyến khích được người lao động cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương mới **từ ngày 01/07/2022** phù hợp Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, tiến hành chuyển xếp lương cho toàn bộ CBNV, SQTV theo mức lương tối thiểu vùng là **4.680.000đ**.

Mặc dù gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiền lương và thu nhập linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, vừa giúp cải thiện mức thu nhập cho CBNV-SQTV so với mặt bằng chung, vừa tạo động lực, động viên khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty và phấn đấu hoàn thành tốt, hiệu quả công việc được giao.

Stt	Năm	Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng) KHỐI SẢN XUẤT CHÍNH (tính cả thuyền viên)
1	2018	20,80
2	2019	23,38
3	2020	24,10
4	2021	25,75
5	2022	31,25

- **Chính sách phúc lợi**

Hoạt động phục vụ cho phúc lợi của Công ty năm 2022 đúng theo quy chế, chủ yếu chăm lo cho đời sống CBNV & SQTV, các hoạt động hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt kết quả tích cực. Năm 2022 đã tổ chức cho 79 CBNV&SQTV tham gia hội nghị tuyên truyền kết hợp tham quan thực tế tại TP Quy Nhơn từ ngày 21/4/2022 – 23/04/2022 với kinh phí là 780 triệu đồng. Công ty đã cố gắng hỗ trợ chi thêm tiền cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết và tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách Công ty (Bà mẹ Việt Nam Anh hùng do Công ty phụng dưỡng, cán bộ lãnh đạo, quản lý nghỉ hưu của Công ty) vào dịp Tết Nguyên đán.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Do tình hình tài chính khó khăn và cơ chế chính sách chưa cho phép triển khai nên Công ty không thực hiện dự án đầu tư trong năm 2022.

b) Các công ty con: Trong năm 2022, 02 công ty con gồm SCCM và Hải Đăng SMC hoạt động ổn định và hiệu quả.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2022 đã kiểm toán)

Đơn vị tính: **Triệu đồng**

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	642.189	574.136	
Trong đó:			
- Tài sản ngắn hạn	171.069	246.240	43,94%
- Tài sản dài hạn	471.119	327.896	-30,4%
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	502.825	778.028	54,53%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	39.167	234.263	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(70.292)	117.028	
Lợi nhuận khác	70.553	100.419	
Lợi nhuận trước thuế	261	217.448	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.039)	214.539	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 tăng 75,1 tỷ đồng, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản cũng tăng 43,94% so với thời điểm 31/12/2021, Công ty đã cải thiện rất nhiều về khả năng thanh toán các khoản nợ so với năm trước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,07	0,14	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,06	0,12	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	367%	362%	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	374%	330%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	13,21	13,30	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản:	0,74	1,28	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,4%	28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-0,3%	34%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,3%	37%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-14%	15%	

5. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách chốt tại ngày 21/03/2023)

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần:	66.999.337 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	66.999.337 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	Không có

b. Cơ cấu cổ đông

St t	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VDL
I	Cổ đông trong nước	3.060	66.960.906	669.609.060.000	99,94%
1	Cổ đông nhà nước	1	29.888.000	298.880.000.000	44,61%
2	Tổ chức	23	10.287.847	102.878.470.000	15,36%
3	Cá nhân	3.036	26.785.059	267.850.590.000	39,98%
II	Cổ đông nước ngoài	18	39.231	384.310.000	0,06%
1	Tổ chức	3	568	5.680.000	0,001%
2	Cá nhân	15	37.863	378.630.000	0,06%
3	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%				
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
	Tổng cộng	3.077	66.999.337	669.993.370.000	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

2010: Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

2018: Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

2020: Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

Tháng 02/2023: Công ty tăng vốn điều lệ từ 629.993.370.000 đồng lên 669.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Công ty ban hành chính sách thể hiện chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nhiên liệu, giảm khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Tuyên truyền và phát động các kế hoạch về bảo vệ môi trường xanh, sử dụng nhiên liệu sạch, thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định, phát động các phong trào làm

sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và đạt được kết quả tốt.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn kiểm soát, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu, vật liệu, vật tư và phụ tùng trong chuỗi quy trình cung cấp dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty đã xây dựng và triển khai “Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm năm 2022” trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty; tái sử dụng giấy một mặt;

- Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5% S bắt đầu từ ngày 1/1/2021, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ.

- Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát, lãng phí. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu. Kiểm soát tốt tình trạng kỹ thuật đội tàu, tăng cường cung cấp phụ tùng chính hãng thay thế cho các thiết bị quan trọng để duy trì tốt tình trạng kỹ thuật cũng như đáp ứng yêu cầu về khí thải, bảo vệ môi trường và giảm tiêu hao nhiên liệu.

- Các loại năng lượng tiêu thụ trực tiếp năm 2022, gồm điện tiêu thụ 129.565 KW với chi phí là 445.315.820 đồng, chủ yếu phục vụ khối văn phòng; xăng cho xe ô tô tiêu thụ 1.875 lít với chi phí 57.546.372 đồng.

Có thể nói, Công ty đã quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo đúng khẩu hiệu “Hãy hành động vì môi trường xanh, bền vững”.

6.4. Tiêu thụ nước

Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tiếp tục tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dẫn cho các tàu theo lộ trình. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.

Nguồn cung cấp nước chủ yếu nguồn thủy cục, năm 2022 lượng nước tiêu thụ phục vụ khối văn phòng Công ty là 1.068 m³ với chi phí 27.523.653 đồng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm không hề xảy ra trường hợp vi phạm nào.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 700 người, trong đó nữ là 32 người. Lực lượng lao động trực tiếp (khỏi sỹ quan thuyền viên) là 644, lao động trên văn phòng phục vụ cho hoạt động đội tàu Công ty là 56 người. Trong năm 2022, tiền lương bình quân của người lao động đạt 31,25 triệu đồng/người/tháng (riêng khối thuyền viên làm việc trực tiếp trên tàu, tiền lương bình quân là 35,39 triệu đồng/người/tháng). Hàng tháng, Công ty đều thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm

bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững.

- Tổ chức cho CBNV tiêm vắc xin và tuyên truyền phòng chống dịch Covid – 19; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV; Tạo sân chơi thể dục, thể thao, văn nghệ cho người lao động rèn luyện cải thiện thể lực, sức khỏe, tinh thần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo Quy chế đào tạo và phát triển của Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được ban hành kèm theo quyết định số 32/QĐ-HDQT ngày 12/08/2021 và quyết định số 35/QĐ-HDQT ngày 26/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2022: Công tác đào tạo gặp khó khăn khi các lớp, khóa huấn luyện trực tiếp không thực hiện được theo đúng kế hoạch do vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên Công ty vẫn đảm bảo các khóa học chính liên quan chức năng nhiệm vụ và nhu cầu đơn vị một cách linh hoạt theo các hình thức khác nhau (bao gồm học trực tuyến), trong đó chủ yếu đào tạo/bồi dưỡng công tác cán bộ chủ chốt, cập nhật kiến thức pháp luật, an toàn thông tin an ninh mạng, ... phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty.

Ngoài ra, thích ứng linh hoạt với tình hình hoạt động trong thời gian thực hiện giãn cách bởi đại dịch Covid-19, Công ty đã khuyến khích nhiều CBNV, SQTV tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ của bản thân thông qua các khóa học online, học ngoài giờ, tham gia các khóa huấn luyện viên nội bộ, các hội thảo, webinar... Mặc dù có những tiến bộ, nhưng hiệu quả và phương pháp đào tạo còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục khắc phục và hoàn chỉnh, để nguồn nhân lực Công ty có chất lượng cao hơn và phù hợp hơn trong giai đoạn mới.

Môi trường làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho CBNV, SQTV, nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty, góp phần tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh tuyên truyền, học tập **Bộ quy tắc ứng xử** Công ty, tạo lập môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khởi văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn. Năm 2022 tiếp tục thực hiện may đồng phục cho toàn thể CBNV khởi văn phòng Công ty. Tổ chức nấu ăn trưa tại bếp ăn Công ty đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tại các tàu biển Công ty, đi đôi với việc tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng cải thiện được rõ rệt. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc theo tiêu chuẩn của IMO, luôn bổ sung thay thế những thuốc đã hết hạn sử dụng. Đảm bảo vệ sinh môi trường sống và làm việc, cung cấp đầy đủ thuốc và phương tiện diệt mối, gián, chuột, chống muỗi. Công ty chủ động cung cấp khẩu trang, nước rửa tay, thuốc tăng cường sức đề kháng, máy tạo oxy để người lao động sử dụng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Đội tàu Công ty được trang bị đầy đủ thuốc, vật tư y tế gồm: khẩu trang y tế, tấm chống giọt bắn, găng tay, quần áo bảo hộ y tế, dung dịch sát khuẩn, bình oxy bệnh viện loại lớn, thuốc dự phòng và thuốc điều trị Covid-19 theo hướng dẫn của Bộ y tế.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo qui định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác bảo hộ lao động

Các đơn vị và cá nhân trong công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của công ty và Luật Lao động về bảo hộ lao động, đặc biệt là đối với các Sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu biển nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty:

+ Tặng quà cho CBNV Phòng giáo dục Huyện Cần giờ nhân dịp Tết Nhâm Dần, số tiền 10 triệu đồng.

+ Thăm hỏi, động viên giáo viên Trường mầm non Trung An 1 Củ chi nhân dịp 20/10/2022, số tiền 10 triệu đồng.

+ Đóng góp cho UBND Phường 18, Q4 chăm lo cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nhâm Dần 10 triệu đồng.

+ Đóng góp cho Quỹ biển Vì biển đảo quê hương – vì tuyến đầu Tổ quốc thông qua Hội đồng Nhân dân Phường 18, Quận 4 số tiền 5 triệu đồng.

+ Phụng dưỡng 01 Mẹ Việt Nam Anh Hùng tại Huyện Chợ Lách, Bến Tre với số tiền 17.88 triệu đồng.

Ngoài ra, tích cực tham gia các phong trào và hoạt động xã hội khác, tích cực tham gia hiến máu nhân đạo.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong bối cảnh hoạt động SXKD liên tục biến động, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao và hoạch định chiến lược đúng đắn của Ban điều hành Công ty, cùng với sự đoàn kết, cố gắng, quyết tâm của tập thể CBNV - SQTV đã giúp Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ của năm 2022, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Công ty đã khai thác tối đa các nguồn lực tự có với đội tàu hàng khô gồm 7 chiếc, tổng trọng tải xấp xỉ 145 nghìn DWT, tuổi tàu bình quân 21,3 tuổi, trong đó có tàu VTC Planet đã 29 tuổi (bản thành công vào giữa tháng 9/2022), khó khai thác do tàu cũ, già, cộng với gánh nặng chi phí (khấu hao, phí bảo hiểm, ... cao). Công ty nỗ lực tăng hiệu quả kinh doanh ở lĩnh vực kinh doanh chính bằng cách tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và đồng thời cắt giảm tối đa mọi chi phí, phát triển kinh doanh dịch vụ Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải nhằm góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động cho Công ty. Như vậy, năm 2022, với sự nỗ lực, quyết tâm, tận dụng các cơ hội của thị trường và đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Những tiên bộ Công ty đã đạt được.

- Theo dõi giám sát chặt chẽ việc các tàu tuân thủ đúng qui trình hệ thống Quản lý an toàn
- Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan.
- Xây dựng và triển khai mô hình quản lý chiến lược BSC, KPI và trả lương 3Ps.
- Ứng dụng CNTT vào công tác quản trị: triển khai hệ thống phần mềm quản lý tàu, gồm các chức năng chính như quản lý bảo quản, bảo dưỡng; quản lý tuân thủ các bộ luật; quản lý vật tư phụ tùng; quản lý thuyền viên trên tàu; công tác quản trị trên tàu.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2022 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty là 574 tỷ đồng, giảm 68 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 246 tỷ đồng, chiếm 43% tổng tài sản; tăng 75 tỷ đồng, tương đương tăng 43,94% so với thời điểm 31/12/2021.

- Tài sản dài hạn là 327 tỷ đồng, chiếm 57 % tổng tài sản, giảm 143 tỷ đồng tương đương giảm 30,4% so với thời điểm 31/12/2021.

b) Tình hình nợ phải trả theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022, đến ngày 31/12/2022, tổng nguồn vốn của Công ty là 574 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Tổng nợ phải trả là 2.076 tỷ đồng, chiếm 362% tổng nguồn vốn, giảm 282 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021.

- Nợ ngắn hạn là 1.742 tỷ đồng, giảm 565 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2021.

- Nợ dài hạn là 334 tỷ đồng, tăng 283 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2021.

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 146 tỷ đồng.

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là tập trung đầu tư vào việc hình thành phương tiện sản xuất kinh doanh là tàu biển. Công ty đã tăng cường công tác quản lý công nợ. Số nợ quá hạn đã giảm so với cùng kỳ năm trước. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty hạch toán theo dõi riêng từng khoản để có các hình thức xử lý hoặc trích lập dự phòng phù hợp.

* Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nợ phải trả quá hạn: Nợ phải trả quá hạn sẽ ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn và uy tín của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn quản lý, phân loại các khoản nợ để giảm số nợ quá hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá: là đơn vị có doanh thu gốc và công nợ gốc bằng ngoại tệ, nếu tỷ giá tăng sẽ làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá lớn cho Công ty.

Ảnh hưởng của lãi vay: Năm 2022, lũy kế số dư lãi vay của Công ty là 1.203 tỷ đồng, tăng hơn 98 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty luôn bám sát và thực hiện theo Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2020 – 2025, công tác tái cơ cấu tổ chức và nhân sự bước đầu đã đạt kết quả nhất định.

- Đối với tái cơ cấu tổ chức, đã tiếp tục rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn:

- Đối với khối thuyền viên, Công ty đã đẩy mạnh việc rà soát, phân loại lực lượng lao động trực tiếp (thuyền viên), để thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với thuyền viên không đảm bảo sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cũng như các trường hợp nghỉ hưu theo chế độ, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân. Đồng thời tuyển dụng lao động để bổ sung cho số thuyền viên nghỉ hưu, nghỉ việc; tình hình lực lượng lao động là đội ngũ thuyền viên ổn định, không có biến động lớn. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ SQTV, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Khối Văn phòng: giảm còn 6 phòng; 02 công ty con và 01 Chi nhánh. CBNV văn phòng hiện còn 56 người.

- Đối với đội tàu Công ty 6 chiếc, số lượng định biên SQTV năm 2019 là 158 người, đến nay định biên còn 127 người.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Xem chi tiết tại Mục 4, Phần I Thông tin chung.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Theo Báo cáo hồi tháng 01/2023 của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới năm 2021 tăng trưởng 6,2%, năm 2022 tăng trưởng 3,4%; năm 2023 và 2024 dự kiến tăng trưởng lần lượt 2,9% và 3,1%. Các rủi ro có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế thế giới gồm sự phục hồi chậm của nền kinh tế Trung Quốc, chiến sự ở Ukraine vẫn đang diễn biến phức tạp, chính sách thắt chặt tiền tệ và tình

hình khó khăn tài chính ở nhiều nước, sự căng thẳng địa chính trị ở nhiều vẫn còn tiếp diễn v.v...Nền kinh tế Trung Quốc năm 2022 tăng trưởng rất chậm, GDP tăng trưởng chỉ khoảng 3,0% (mức rất thấp so với bình quân các thập niên gần đây), dự kiến tăng trưởng năm 2023 và 2024 lần lượt là 5,2% và 4,5%.

“Tăng trưởng đội tàu hàng khô rời”: Theo số liệu của Clarksons Research ngày 03/03/2023, đội tàu hàng khô thế giới năm 2022 đạt khoảng 972,6 triệu DWT, tăng trưởng 2,8%; dự kiến mức tăng trưởng năm 2023 và năm 2024 lần lượt là khoảng 3,7% và 2,6%.

Đối với phân khúc tàu Handysize (10.000-40.000 DWT): Năm 2022 đạt khoảng 115,2 triệu DWT, tăng trưởng 3,0 %; dự kiến mức tăng trưởng năm 2023 và năm 2024 khá cao lần lượt là khoảng 3,6% và 3,0%.

Các phân khúc tàu lớn các năm tới dự kiến cũng sẽ tăng trưởng cao. Đội tàu Handymax (40.-70.000 DWT)/Panamax (70.-100.000 DWT)/Capesize (100.000+ DWT) năm 2022 lần lượt đạt khoảng 227,6 triệu DWT (tăng trưởng 3,1%) / 245,7 triệu DWT (tăng trưởng 3,8%) /384,1 triệu DWT (tăng trưởng 1,9%); dự kiến tăng trưởng năm 2023 lần lượt khoảng 8,2% / 8,8% / 6,3%.

Lượng hàng khô rời đi bằng đường biển: Theo số liệu của Clarksons Research ngày 03/03/2023, năm 2022 lượng hàng khô rời đi bằng đường biển đạt khoảng 5271 triệu tấn, tăng trưởng âm – 2,7%, dự kiến năm nay đạt khoảng 5339 triệu tấn, tăng trưởng khoảng 1%.

Dự báo thị trường: Đội tàu hàng khô tiếp tục tăng trưởng khá nhiều trong năm tới, trong khi đó tăng trưởng lượng hàng khô rời đi bằng đường biển dự kiến phục hồi khá yếu. Dự báo thị trường vận tải hàng khô rời sẽ rất khó khăn.”

Dựa trên dự báo tình hình thị trường, năng lực của đội tàu, nguồn nhân lực của Công ty và chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP (VIMC), Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 với chỉ tiêu tổng doanh thu của năm 2023 sẽ giảm nhiều so với năm 2022 do dự báo giá cước vận tải giảm mạnh, nhưng nhờ hoàn thành tái cơ cấu tài chính, xóa nợ của một số ngân hàng, đem lại khoản thu hơn 566 tỷ đồng, nên kết quả SXKD toàn Công ty dự kiến đạt lợi nhuận ở mức cao.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	KH 2023/ TH 2022
1. Tổng Doanh thu	Tỷ VND	958,28	597,02(*)	62%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	217,45	633,96	292%

(*) Doanh thu kế hoạch năm 2023 chưa bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác

Các nhóm giải pháp thực hiện:

Căn cứ vào mục tiêu hoạt động, HĐQT Công ty lãnh đạo triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau:

4.1. Về công tác tài chính, kinh doanh:

- Hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Cập nhật, bổ sung hệ thống quy trình chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật và kiểm tra, kiểm soát chi phí theo các định mức đã xây dựng. Thực hiện triệt để tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh.
- Liên tục cập nhật thông tin, xu hướng thị trường để nắm bắt và vận dụng tối đa cơ hội thị trường, thực hiện linh hoạt các phương án kinh doanh, khai thác tàu nhằm đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và thực hiện Đề án tái cấu trúc Công ty, làm việc với các tổ chức tín dụng thực hiện tái cơ cấu nợ theo kế hoạch.

- Đảm bảo việc triển khai công tác đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Công ty trong việc triển khai đầu tư, kiểm soát tiến độ dự án, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

4.2. Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ hiệu lực và hiệu quả:

- Thẻ chế hóa, tiếp tục đẩy mạnh triển khai văn hóa “Lấy khách hàng làm trung tâm”; duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển thêm khách hàng mới;

- Cập nhật, bổ sung hệ thống quy trình chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật và kiểm tra, kiểm soát chi phí theo các định mức đã xây dựng. Thực hiện triệt để tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát và hoàn chỉnh đồng bộ các quy chế, quy trình để bám sát các yêu cầu và nguyên tắc quản trị.

- Tiếp tục triển khai công cụ Kaizen cải tiến liên tục để nâng cao hiệu quả hoạt động; thúc đẩy tinh thần sáng tạo tích cực đóng góp sáng kiến trong toàn Công ty.

4.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Đẩy mạnh việc huấn luyện, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đến chế độ đãi ngộ để tạo động lực cho người lao động.

- Thu hút, phát triển và sử dụng “nhân tài” của Công ty một cách hiệu quả nhất.

- Rà soát tinh gọn bộ máy, sắp xếp đúng người, đúng việc.

- Xây dựng Đề án duy trì, phát triển lực lượng sĩ quan thuyền viên trong tình hình mới.

4.4. Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số:

- Tiếp tục thực hiện Đề án chuyển đổi số đã được HĐQT phê duyệt

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh: chăm sóc khách hàng, quản lý nhân sự (tuyển chọn, đào tạo, đánh giá, trả lương), ...

4.5. Phát triển văn hóa doanh nghiệp, trách nhiệm cộng đồng:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc truyền thông và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của Vitranschart

- Phát huy vai trò của cơ quan Đảng và Đoàn thể, trong việc xây dựng nếp văn hóa mới.

- Thực hiện chương trình an sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Xem Giải trình và Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đối với đội tàu, Công ty đã nỗ lực áp dụng các chính sách để đảm bảo giảm thiểu lượng phát thải khí ra môi trường, đã thực hiện cung cấp cho đội tàu các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp theo tiêu chuẩn và quy định IMO. Đối với khối văn phòng, việc sử dụng điện, nước được cân đối phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và không vi phạm các quy định về xử lý nước thải.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách, quy định liên quan về người lao động. Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Hiểu rõ vai trò quan trọng cũng như lợi ích từ việc thực hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, địa phương mang lại nên Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội của mình đối với cộng đồng và địa phương.

Xem chi tiết cụ thể tại Mục 6, Phần II Tình hình hoạt động trong năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm, Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng Công ty đạt được kết quả như đã nêu tại phần III- Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành vượt xa các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, cụ thể:

1.1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh dịch Covid 19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình địa chính trị thế giới bất ổn, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã thực hiện kết quả kinh doanh cải thiện rất nhiều so với năm 2021, cụ thể như sau:

- Doanh thu tăng 69% so với năm 2021 và vượt 27% kế hoạch, trong đó doanh thu vận tải biển tăng 69% so với năm 2021 và vượt 11% kế hoạch do tận dụng được giá cước thị trường tàu hàng khô có những thời điểm tăng đột biến vì nguồn cung tàu bị thiết hụt cục bộ từng khu vực..

- Lãi/Lỗ trước thuế năm 2022: lãi 217,45 tỷ đồng, vượt xa chỉ tiêu cân bằng thu chi và đã tăng lãi 217,19 tỷ đồng so với năm 2021 do doanh thu tăng, bán thành công tàu VTC Planet đáp ứng được mục tiêu hoàn thành nghĩa vụ trả nợ DATC theo đúng thỏa thuận, nghĩa vụ nợ được giảm.

1.2. Tình hình bán, thanh lý tài sản:

- Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bán tàu VTC Planet với kết quả tốt hơn nhiều so với ước tính tại Dự án bán tàu được phê duyệt, đáp ứng được mục tiêu tái cơ cấu tài chính.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng và thực hiện tốt quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh, trong công tác tái cơ cấu tài chính, góp phần từng bước cải thiện tình hình tài chính Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao; Phân tích lựa chọn, đàm phán, quyết định ký kết các hợp đồng và thời hạn phù hợp để tối ưu hiệu quả kinh doanh; Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, kiểm soát chặt ngày tàu vận doanh để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan (off hire, PSC...). Từ đó những kết quả đạt được vượt mức trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh góp phần tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, từng bước tìm kiếm và chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn chịu hệ quả của Đại dịch Covid-19, xung đột Nga – Ukraina, cũng như mâu thuẫn ngày càng tăng của các nước lớn và khuynh hướng toàn cầu hóa suy yếu, quan hệ quốc tế dần chuyển sang khu vực hoặc song phương.

*HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành **xuất sắc nhiệm vụ** được giao trong năm 2022, trong đó Tổng Giám đốc **Trịnh Hữu Lương** và Phó Tổng Giám đốc **Mai Thị Thu Vân** đã hoàn thành **xuất sắc nhiệm vụ**.*

3. Kế hoạch, định hướng của HDQT

- Đẩy mạnh xây dựng văn hóa lắng nghe, thấu hiểu, tận tụy với khách hàng (kể cả nội bộ): từ xây dựng thể chế, chính sách đến giải pháp khả thi để duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển khách hàng mới.

- Tiếp tục đổi mới hệ thống quản trị, chuẩn hóa các tiêu chuẩn, đồng bộ các quy trình trong toàn hệ thống Công ty đến các công ty con.

- Tiếp tục thực hiện ba chiến lược: đầu tư phát triển, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực, nhất là cán bộ chủ chốt đủ tầm thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu mới.

- Rà soát, điều chỉnh Đề án Tái cấu trúc Công ty định hướng cho giai đoạn phát triển mới

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện mục tiêu lành mạnh hóa tình hình tài chính để Công ty đối phó tốt các nguy cơ do thị trường được dự báo suy giảm trong năm 2023 và duy trì hoạt động ổn định.

- Tiếp tục nghiên cứu đánh giá tìm tòi các lĩnh vực kinh doanh mới có tính khả thi và hiệu quả, cụ thể:

+ Nghiên cứu thị trường triển khai hoạt động thuê tàu ngoài để nâng cao năng lực do đội tàu bán thanh lý và hiệu quả kinh doanh.

+ Thực hiện các giải pháp thị trường và định hướng phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên: Xây dựng Đề án tổng thể duy trì, phát triển lực lượng thuyền viên trong tình hình mới. Trước mắt, tăng cường công tác chăm lo đời sống thuyền viên; kết nối chặt với các trường nghề để tuyển dụng hiệu quả hơn; đẩy mạnh đào tạo lại chuyên môn, tiếng Anh giúp nâng trình độ thuyền viên đáp ứng yêu cầu chủ tàu ngày càng cao; mở rộng thị trường tàu Container để nâng hiệu quả kinh doanh....

+ Tập trung phát triển các hoạt động có hiệu quả như cho thuê thuyền viên. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí để đảm bảo kế hoạch kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty theo BSC, KPI, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm. Thông qua lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách, quy chế về lấy Khách hàng và Con người làm trung tâm, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh triển khai Kaizen liên tục để nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy tinh thần sáng tạo tích cực đóng góp sáng kiến trong toàn Công ty.

- Thu hút, phát triển và sử dụng “nhân tài” của Công ty một cách hiệu quả nhất

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty;

- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2023 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải;

- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Xây dựng và phát triển văn hóa Công ty, trách nhiệm với cộng đồng: thực hiện Bộ Quy tắc Ứng xử và các chương trình an sinh – xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tính đến ngày 21/03/2023)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 11.128.186 Cá nhân: 96.962	Chiếm 16,61% Chiếm 0,145%
2	Trịnh Hữu Lương	Phó Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 9.379.907	Chiếm 14%
3	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	8.002	Chiếm 0,01%
4	Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	Đại diện: 9.379.907	Chiếm 14%
5	Trần Trung Dũng	Thành viên HĐQT	1.917	0,003%

Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC (đến 12/10/2022); Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (từ 12/10/2022).

- Ông Trịnh Hữu Lương: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (đến 12/10/2022); Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC (từ 12/10/2022).

- Ông Trần Trung Dũng: Giám đốc Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC.

- Ông Nguyễn Thanh Ngọc: Trưởng phòng Pháp chế An toàn Hàng hải - Công ty Vận tải biển VIMC.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ, không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành 42 nghị quyết và quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư v.v. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
01/NQ-HĐQT	05/01/2022	NQ v/v xử lý nợ tại ACB
02/QĐ-HĐQT	12/01/2022	QĐ thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022
03/QĐ-HĐQT	13/01/2022	QĐ tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2021
04/NQ-HĐQT	13/01/2022	NQ phiên họp HĐQT ngày 12/01/2022
05/NQ-HĐQT	23/02/2022	NQ về chương trình hành động HĐQT năm 2022
06/NQ-HĐQT	03/03/2022	NQ v/v Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022
07/QĐ-HĐQT	30/03/2022	QĐ v/v Ban hành quy chế thi đua khen thưởng
08/QĐ-HĐQT	31/03/2022	QĐ v/v phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCCM
09/NQ-HĐQT	07/04/2022	NQ phiên họp HĐQT ngày 07/04/2022

SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
10/NQ-HĐQT	07/04/2022	NQ v/v Giao dịch với người có liên quan
11/QĐ-HĐQT	10/05/2022	QĐ v/v Thành lập BCD triển khai Kaizen
12/QĐ-HĐQT	12/05/2022	QĐ v/v Thôi cử người đại diện vốn tại Pdimex JSC
13/QĐ-HĐQT	17/05/2022	QĐ v/v Thành lập Hội đồng nhượng bán tàu VTC Planet
14/QĐ-HĐQT	18/05/2022	QĐ v/v Phê duyệt chủ trương mua ô-tô tại SCCM
15/QĐ-HĐQT	24/06/2022	QĐ v/v khen thưởng Ban TGD có thành tích triển khai thực hiện xuất sắc nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022
16/QĐ-HĐQT	24/06/2022	QĐ v/v khen thưởng TGD có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022
17/NQ-HĐQT	07/07/2022	NQ phiên họp HĐQT ngày 07/07/2022
18/QĐ-HĐQT	12/07/2022	QĐ v/v Phê duyệt chủ trương bán tàu VTC Planet
19/QĐ-HĐQT	18/07/2022	QĐ v/v Phê duyệt dự án bán tàu VTC Planet
20/NQ-HĐQT	01/08/2022	NQ v/v Xử lý khoản nợ vay tại Ngân hàng TNHH Indovina
21/NQ-HĐQT	24/08/2022	NQ v/v Triển khai phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ
22/NQ-HĐQT	24/08/2022	NQ v/v Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ
23/QĐ-HĐQT	30/08/2022	QĐ v/v Bán tàu VTC Planet
24/QĐ-HĐQT	12/09/2022	QĐ v/v Phê duyệt quy hoạch nguồn nhân sự cán bộ quản lý
25/QĐ-HĐQT	12/09/2022	QĐ v/v Phê duyệt quy hoạch nguồn nhân sự cán bộ chủ chốt
26/QĐ-HĐQT	21/09/2022	QĐ v/v Cử cán bộ đi công tác NN
27/QĐ-HĐQT	27/09/2022	QĐ v/v Khen thưởng HĐTLNB tàu VTC Planet
28/NQ-HĐQT	07/10/2022	NQ phiên họp HĐQT ngày 07/10/2022
29/QĐ-HĐQT	12/10/2022	QĐ v/v Miễn nhiệm chủ tịch Công ty SCCM
30/QĐ-HĐQT	12/10/2022	QĐ v/v Miễn nhiệm chủ tịch Công ty HaiDang SMC
31/QĐ-HĐQT	12/10/2022	QĐ v/v Giao nhiệm vụ chủ tịch Công ty SCCM
32/QĐ-HĐQT	12/10/2022	QĐ v/v Giao nhiệm vụ chủ tịch Công ty HaiDang SMC
33/QĐ-HĐQT	12/10/2022	QĐ v/v Giao nhiệm vụ kiểm soát viên Công ty SCCM
34/QĐ-HĐQT	26/10/2022	QĐ v/v Ban hành quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ nhân viên
35/QĐ-HĐQT	26/10/2022	QĐ v/v Ban hành quy chế đào tạo và phát triển
36/QĐ-HĐQT	16/11/2022	QĐ v/v Cử cán bộ đi công tác NN
37/QĐ-HĐQT	08/12/2022	QĐ v/v Dự án tại khu I-428 Nguyễn Tất Thành,
38/QĐ-HĐQT	08/12/2022	QĐ v/v phê duyệt quỹ lương và thu nhập 2022, kế hoạch 2023
39/NQ-HĐQT	08/12/2022	NQ v/v Xử lý khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
40/QĐ-HĐQT	12/12/2022	QĐ v/v Thành lập Hội đồng thanh lý nhượng bán tàu VTC Sun
41/QĐ-HĐQT	22/12/2022	QĐ v/v Xử lý tài chính khoản nợ không có khả năng thu hồi
42/QĐ-HĐQT	23/12/2022	QĐ v/v Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2022

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Trịnh Hữu Lương: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2022, các TV HĐQT, BĐH, BKS và các cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia các khoá học liên quan đến quản trị Công ty như: Tư duy sáng tạo/ Kaizen/ Hành trình dẫn dắt nhân viên/Kỹ năng làm việc nhóm/ Đánh giá kết quả công việc (Chương trình nhân tài).

2. Ban kiểm soát

a. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát (tính tại ngày 31/12/2022)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Thị Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Trần Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	5	0,000008%
3	Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát	17.285	0,027%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Công ty:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022; bán thanh lý tài sản là tàu biển; chi trả tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2022; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ của Công ty; ...

+ Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; tham dự và đóng góp ý kiến đối với các nội dung tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; ...

- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị để giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất để có ý kiến đóng góp đối với Công ty.

- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, sự phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định, Ban Kiểm soát đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2021.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2022:

Stt	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	26/03/2022	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện năm 2021	100%	100%
2	05/04/2022	Thông nhất Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%	100%
3	09/08/2022	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện 06 tháng đầu năm 2022	100%	100%
4	26/12/2022	Tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2022 và thông nhất kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, các thành viên Hội đồng quản trị khác và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thù lao không chuyên trách hàng năm được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch và quyết toán mức thù lao của năm trước. Tại thời điểm báo cáo, mức thù lao không chuyên trách đối với thành viên HĐQT, BKS như sau:

- + Phó Chủ tịch HĐQT: 4,5 triệu đồng/tháng;
- + Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng.
- + Trưởng BKS: 4 triệu đồng/tháng;
- + Thành viên BKS: 3 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT trong năm 2022 là 719 triệu đồng.

- Tổng lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc (3 người) trong năm 2022 là 1,652 tỷ đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Chủ tịch Công đoàn là thành viên HĐQT Công ty) đã bán 1.283.100 cổ phần VST từ 07/01/2022 – 31/12/2022.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Ngày 07/04/2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết định 10/NQ-HĐQT về việc giao dịch với người có liên quan, Công ty đã ký kết Hợp đồng cho thuê tàu trần - Hợp đồng quản lý tàu VTC Ocean với bên liên quan là Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%); Và ký kết hợp đồng thuê thuyền viên với Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất các thành viên, chỉ đạo kịp thời các công việc phát sinh.
- Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm):



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Lương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trịnh Hữu Lương

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số: 270223.026/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.496 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.148 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ âm 1.502 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 332 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.204 tỷ đồng. Công ty đang triển khai phương án hiệu quả để khắc phục một phần khả năng thanh khoản nhưng gặp khó khăn trong việc tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



THE GLOBAL AUDITING AND ACCOUNTING NETWORK

2. Tại ngày 17/01/2023, theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" về việc xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ, xác định số tiền Công ty phải trả Ngân hàng TMCP Bảo Việt đến ngày 30/12/2022 là 251,066 tỷ đồng. Trong đó giá trị khoản phạt là 29,306 tỷ đồng. Công ty chưa ghi nhận khoản phạt này trong năm 2022 do Công ty đang tiếp tục làm rõ về nội dung, số tiền phạt cũng như chưa nhận được thông báo về khoản phạt từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn chưa đủ cơ sở để xác định được khoản phạt liên quan đến khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần được ghi nhận vào kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như điều chỉnh hồi tố vào các năm trước (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		246.240.021.787	171.069.490.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.476.381.562	19.409.760.141
111	1. Tiền		34.476.381.562	19.409.760.141
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		146.118.420.938	98.658.524.990
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.979.843.500	3.073.795.357
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.435.698.362	8.216.381.331
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	149.900.917.202	97.774.454.895
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.198.038.126)	(10.406.106.593)
140	IV. Hàng tồn kho	9	42.327.246.971	39.444.376.097
141	1. Hàng tồn kho		42.327.246.971	39.444.376.097
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.317.972.316	13.556.829.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.042.654.260	3.567.009.972
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		20.141.497.946	9.942.715.670
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	133.820.110	47.103.895
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		327.896.621.950	471.119.246.035
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.249.154.521	22.279.281.482
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.249.154.521	22.279.281.482
220	II. Tài sản cố định		263.642.269.151	420.301.047.717
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	263.512.350.612	420.262.797.717
222	- Nguyên giá		1.849.301.098.124	2.350.318.147.303
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.585.788.747.512)	(1.930.055.349.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	129.918.539	38.250.000
228	- Nguyên giá		7.410.095.096	7.259.395.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.280.176.557)	(7.221.145.096)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.043.606.288	1.785.604.375
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.043.606.288	1.785.604.375
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	2.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		37.961.591.990	24.753.312.461
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	37.961.591.990	24.753.312.461
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		574.136.643.737	642.188.736.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.076.366.296.869	2.358.501.393.491
310	I. Nợ ngắn hạn		1.742.251.282.743	2.307.616.033.175
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	18.169.947.092	47.371.759.204
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	23.008.263.753	15.302.454.878
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	991.527.176	550.659.747
314	4. Phải trả người lao động		38.919.787.314	33.728.324.559
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.227.442.488.901	1.114.935.353.307
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.921.581.103	5.540.836.422
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	31.425.261.362	31.190.598.159
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	398.925.068.777	1.057.459.190.206
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.447.357.265	1.536.856.693
330	II. Nợ dài hạn		334.115.014.126	50.885.360.316
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	325.710.424.948	42.480.771.138
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.502.229.653.132)	(1.716.312.656.691)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(1.502.229.653.132)	(1.716.312.656.691)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		629.993.370.000	629.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		629.993.370.000	629.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.199.638.880	10.753.625.664
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.148.351.647.089)	(2.361.988.637.432)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(2.362.891.461.220)	(2.359.948.877.160)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		214.539.814.131	(2.039.760.272)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		574.136.643.737	642.188.736.800



Lê Kim Phụng
Người lập, Kế toán trưởngMai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chínhTrịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	778.028.722.221	502.825.170.945
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	363.777.987
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		778.028.722.221	502.461.392.958
11	4. Giá vốn hàng bán	25	543.766.009.268	463.293.756.741
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		234.262.712.953	39.167.636.217
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	18.115.878.663	10.686.760.364
22	7. Chi phí tài chính	27	94.126.892.722	88.343.822.405
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		65.537.829.401	86.047.356.982
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	(166.085.243)
25	9. Chi phí bán hàng	28	12.334.756.586	6.866.554.072
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	28.887.984.044	24.770.064.970
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.028.958.264	(70.292.130.109)
31	12. Thu nhập khác	30	162.137.345.989	120.310.103.697
32	13. Chi phí khác	31	61.717.353.217	49.756.611.484
40	14. Lợi nhuận khác		100.419.992.772	70.553.492.213
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		217.448.951.036	261.362.104
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	2.909.136.905	2.301.122.376
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>214.539.814.131</u>	<u>(2.039.760.272)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		214.539.814.131	(2.039.760.272)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	3.405	(32)



Lê Kim Phụng
Người lập, Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		217.448.951.036	261.362.104
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		137.340.490.540	144.741.427.432
03	- Các khoản dự phòng		(1.208.068.467)	(1.513.515.211)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(332.685.157)	(8.599.047.830)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64.353.705.531)	(1.553.868.359)
06	- Chi phí lãi vay		65.537.829.401	86.047.356.982
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(117.226.138.368)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		354.432.811.822	102.157.576.750
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(57.398.597.980)	(77.516.035.038)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.882.870.874)	(8.758.003.877)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.643.045.672	12.368.824.664
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		38.653.900.984	15.224.366.938
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.366.868.547)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.630.715.484)	(1.707.894.634)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(546.310.000)	(675.380.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		314.904.395.593	41.093.454.803
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(54.837.899.755)	(17.459.419.371)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		82.916.570.899	258.772.727
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.177.440.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.997.495.699	1.393.868.010
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		33.076.166.843	(14.629.338.634)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(332.460.244.340)	(38.554.074.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(332.460.244.340)	(38.554.074.995)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15.520.318.096	(12.089.958.826)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.409.760.141	31.450.612.063

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(453.696.675)	49.106.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	34.476.381.562	19.409.760.141



Lê Kim Phụng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính




Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 629.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 629.993.370.000 đồng; tương đương 62.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 700 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 724 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm 2022 tăng 54,73% so với năm 2021 do giá cước thị trường tàu hàng khô tăng đột biến bởi nguồn cung tàu bị thiếu hụt. Tuy nhiên, các chi phí liên quan đến việc cho thuê tàu biển phát sinh tương đối ổn định và chỉ tăng nhẹ chủ yếu do chi phí nhân công phải trả thuyền viên và một số chi phí khác dẫn đến giá vốn kỳ này chỉ tăng 17,37% so với cùng kỳ năm trước. Điều này dẫn đến lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 và đạt 234,26 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.496 tỷ đồng, lũy kế là 2.148 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ âm 1.502 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 332 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.204 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Vận tải biển

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	371.959.000	32.063.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	34.104.422.562	19.377.697.141
+ Tiền Việt Nam	12.090.872.608	5.464.408.312
+ Ngoại tệ	22.013.549.954	13.913.288.829
	34.476.381.562	19.409.760.141

(*) Gồm tiền lương tháng 12/2022 và lương bổ sung của người lao động thanh toán vào đầu tháng 01/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Evergreen Marine Corporation	2.406.791.233	-	960.378.827	-
Daiichi chuo naiko kaisha	542.284.032	-	1.793.526.135	-
Phải thu khách hàng khác	30.768.235	-	319.890.395	-
	<u>2.979.843.500</u>	<u>-</u>	<u>3.073.795.357</u>	<u>-</u>
	<u>2.979.843.500</u>	<u>-</u>	<u>3.073.795.357</u>	<u>-</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và CNHH Sài Gòn	-	-	1.400.000.000	-
- Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	-	-	2.178.300.000	-
- Hua Shipping & Trading Group	230.875.300	-	-	-
- Global Cargo and Commodities Ltd	124.656.628	-	21.866.101	-
-Trả trước cho người bán khác	2.080.166.434	-	4.616.215.230	-
	<u>2.435.698.362</u>	<u>-</u>	<u>8.216.381.331</u>	<u>-</u>
	<u>2.435.698.362</u>	<u>-</u>	<u>8.216.381.331</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	6.864.287.087	-	2.597.097.844	-
Ký cược, ký quỹ	128.060.453.120	-	80.060.453.120	-
Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Khoản chi trả hộ công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	-	-	1.208.068.467	(1.208.068.467)
Phải thu khác	5.942.261.460	(164.122.591)	4.874.919.929	(164.122.591)
	<u>149.900.917.202</u>	<u>(9.198.038.126)</u>	<u>97.774.454.895</u>	<u>(10.406.106.593)</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	-	-	1.208.068.467	(1.208.068.467)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tp.Thủ Đức	29.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	99.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Phải thu các đối tượng khác	12.867.001.667	-	77.532.470.893	-
	<u>149.900.917.202</u>	<u>(9.033.915.535)</u>	<u>97.774.454.895</u>	<u>(10.241.984.002)</u>
	<u>149.900.917.202</u>	<u>(9.033.915.535)</u>	<u>97.774.454.895</u>	<u>(10.241.984.002)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn					
b.1) Chi tiết theo nội dung					
Ký cược, ký quỹ	23.249.154.521	-	22.279.281.482	-	
	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	
b.2) Chi tiết theo đối tượng					
Bên khác					
Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster	19.249.154.521	-	19.194.781.482	-	
Phải thu khác	4.000.000.000	-	3.084.500.000	-	
	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	
	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	

8 . NỢ XẤU

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
- Công ty TNHH MTV vận tải biển dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-	
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Falcon)	-	-	1.208.068.467	-	
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-	
	<u>9.198.038.126</u>	<u>-</u>	<u>10.406.106.593</u>	<u>-</u>	

9 . HÀNG TỒN KHO

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.745.630.039	-	27.603.166.850	-	
Công cụ, dụng cụ	11.581.616.932	-	11.841.209.247	-	
	<u>42.327.246.971</u>	<u>-</u>	<u>39.444.376.097</u>	<u>-</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.043.606.288	713.985.291
Dự án xây dựng cải tạo tòa nhà văn phòng Khu I số 428		
- Nguyễn Tất Thành (*)	625.985.288	625.985.288
- Dự án Phần mềm	100.000.000	88.000.003
- Nâng cấp hệ thống SAP	317.621.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.071.619.084
- Sửa chữa lớn tàu VTC Sun năm 2021	-	1.071.619.084
	<u>1.043.606.288</u>	<u>1.785.604.375</u>

(*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m² đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m² đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu số I số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đã bắt đầu khảo sát từ năm 2010, tuy nhiên do còn vướng mắc thủ tục với các cơ quan ban ngành nên dự án chưa thể triển khai.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	7.966.562.613	2.327.769.213.934	6.391.236.356	2.350.318.147.303
- Mua trong kỳ	-	2.310.000.000	1.131.887.087	649.485.954	4.091.373.041
- Thanh lý, nhượng bán	-	(675.500.000)	(504.399.981.818)	(32.940.402)	(505.108.422.220)
Số dư cuối kỳ	8.191.134.400	9.601.062.613	1.824.501.119.203	7.007.781.908	1.849.301.098.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	4.845.235.552	1.911.145.090.266	5.873.889.368	1.930.055.349.586
- Khấu hao trong kỳ	-	2.277.366.132	134.705.554.782	298.538.165	137.281.459.079
- Thanh lý, nhượng bán	-	(675.500.000)	(480.839.620.751)	(32.940.402)	(481.548.061.153)
Số dư cuối kỳ	8.191.134.400	6.447.101.684	1.565.011.024.297	6.139.487.131	1.585.788.747.512
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	3.121.327.061	416.624.123.668	517.346.988	420.262.797.717
Tại ngày cuối kỳ	-	3.153.960.929	259.490.094.906	868.294.777	263.512.350.612

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 258.405.369.781 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.373.925.147 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	7.259.395.096	7.259.395.096
- Mua trong kỳ	150.700.000	150.700.000
Số dư cuối kỳ	<u>7.410.095.096</u>	<u>7.410.095.096</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.221.145.096	7.221.145.096
- Khấu hao trong kỳ	59.031.461	59.031.461
Số dư cuối kỳ	<u>7.280.176.557</u>	<u>7.280.176.557</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	38.250.000	38.250.000
Tại ngày cuối kỳ	<u>129.918.539</u>	<u>129.918.539</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.634.521	37.621.963
Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn	2.932.598.714	3.137.518.426
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	91.421.025	391.869.583
	<u>3.042.654.260</u>	<u>3.567.009.972</u>
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	37.391.292.838	23.585.204.574
Công cụ dụng cụ xuất dùng	570.299.152	1.168.107.887
	<u>37.961.591.990</u>	<u>24.753.312.461</u>

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà).

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dầu Nhờn Idemitsu Việt Nam	2.049.518.878	2.049.518.878	630.439.920	630.439.920
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	1.905.885.446	1.905.885.446	3.155.685.082	3.155.685.082
- Công ty TNHH TM & DV Hồng Thư	1.536.389.424	1.536.389.424	3.984.860.488	3.984.860.488
- Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.045.123.500	1.045.123.500	3.478.244.150	3.478.244.150

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	1.330.471.318	1.330.471.318	2.553.276.366	2.553.276.366
Phải trả các đối tượng khác	10.302.558.526	10.302.558.526	33.569.253.198	33.569.253.198
	<u>18.169.947.092</u>	<u>18.169.947.092</u>	<u>47.371.759.204</u>	<u>47.371.759.204</u>
	<u>18.169.947.092</u>	<u>18.169.947.092</u>	<u>47.371.759.204</u>	<u>47.371.759.204</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Daedong Shipping Co., ltd	20.609.584.950	8.531.544.658
- Grace Group Singapore Pte Ltd	2.073.191.305	3.226.222.455
-Người mua trả tiền trước khác	325.487.498	3.544.687.765
	<u>23.008.263.753</u>	<u>15.302.454.878</u>
	<u>23.008.263.753</u>	<u>15.302.454.878</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	232.157.352	2.070.333.130	2.092.098.680	-	210.391.802
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	11.237.207	11.237.207	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	22.565.631	311.875.208	2.959.108.833	2.630.715.484	131.166.662	748.869.588
Thuế Thu nhập cá nhân	23.538.264	6.627.187	872.395.212	825.871.797	2.653.448	32.265.786
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.170.902.382	1.170.902.382	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	10.000.000	9.000.000	-	-
	47.103.895	550.659.747	7.093.976.764	6.739.825.550	133.820.110	991.527.176

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	1.203.854.577.876	1.105.380.921.947
- Tiền ăn của thuyền viên	3.513.096.732	4.261.105.169
- Phải trả tiền lương thuyền viên	11.416.396.090	3.564.332.325
- Chi phí phải trả khác	8.658.418.203	1.728.993.866
	1.227.442.488.901	1.114.935.353.307

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 31/12/2022 và 01/01/2022 lần lượt là 44.033.356.635 đồng và 40.493.669.778 đồng.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu chưa thực hiện	1.921.581.103	5.540.836.422
	1.921.581.103	5.540.836.422

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.160.350.128	5.748.936.673
- Bảo hiểm xã hội	650.480.586	523.304.120
- Bảo hiểm y tế	93.130.316	124.797.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	46.653.853	81.129.623
- Công ty TNHH Trung Thủy Landcaster	19.341.925.635	19.194.781.482
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.132.720.844	3.517.649.069
	31.425.261.362	31.190.598.159
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	8.404.589.178	8.404.589.178

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	192.216.707.416	192.216.707.416	335.034.418	191.552.163.233	999.578.601	999.578.601
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM ⁽¹⁾	84.905.866.403	84.905.866.403	-	84.905.866.403	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở ⁽²⁾	3.637.647.045	3.637.647.045	103.426.706	2.741.495.150	999.578.601	999.578.601
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽³⁾	103.673.193.968	103.673.193.968	231.607.712	103.904.801.680	-	-
Vay dài hạn đã quá hạn trả	824.056.176.391	824.056.176.391	85.222.857.474	577.835.325.046	331.443.708.819	331.443.708.819
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	25.868.220.692	25.868.220.692	-	220.000.000	25.648.220.692	25.648.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	315.602.844.292	315.602.844.292	2.753.152.602	286.162.108.767	32.193.888.127	32.193.888.127
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	8.661.000.000	8.661.000.000	-	61.000.000	8.600.000.000	8.600.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	277.312.600.000	277.312.600.000	2.489.000.000	14.800.000.000	265.001.600.000	265.001.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	196.611.511.407	196.611.511.407	79.980.704.872	276.592.216.279	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	41.186.306.399	41.186.306.399	156.493.421.357	131.197.946.399	66.481.781.357	66.481.781.357
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	1.367.160.000	1.367.160.000	11.640.000	1.378.800.000	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	2.489.000.000	2.489.000.000	-	2.489.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	37.330.146.399	37.330.146.399	24.000.000.000	37.330.146.399	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	-	-	132.481.781.357	90.000.000.000	42.481.781.357	42.481.781.357
	1.057.459.190.206	1.057.459.190.206	242.051.313.249	900.585.434.678	398.925.068.777	398.925.068.777

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	25.868.220.692	25.868.220.692	-	220.000.000	25.648.220.692	25.648.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	322.519.944.740	322.519.944.740	2.812.044.794	293.138.101.407	32.193.888.127	32.193.888.127
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	8.661.000.000	8.661.000.000	-	61.000.000	8.600.000.000	8.600.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	279.801.600.000	279.801.600.000	2.489.000.000	17.289.000.000	265.001.600.000	265.001.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	270.872.488.496	270.872.488.496	248.175.704.872	404.853.193.368	114.195.000.000	114.195.000.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	-	-	324.125.794.294	46.128.587.989	277.997.206.305	277.997.206.305
	907.723.253.928	907.723.253.928	577.602.543.960	761.689.882.764	723.635.915.124	723.635.915.124
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(865.242.482.790)	(865.242.482.790)	(242.051.313.249)	(900.585.434.678)	(397.925.490.176)	(397.925.490.176)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	42.480.771.138	42.480.771.138			325.710.424.948	325.710.424.948

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 31/12/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM			25.648.220.692	-	25.648.220.692	-	-			
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	96 tháng	25.648.220.692 VND	25.648.220.692	-	25.648.220.692	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT- chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo dự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở			999.578.601	999.578.601	-	-	-			
	Hợp đồng số 529914 VPB Vitranschart ngày 26/05/2014	12 tháng	42.390,95 USD	999.578.601	999.578.601	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và được ngân hàng tái cơ cấu lịch trả nợ theo Công văn số 2711/2018/CV- VPB-CIB ngày 27/11/2018	- Là toàn bộ các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành của bên Vay
3	Ngân hàng TMCP Á Châu			32.193.888.127	-	32.193.888.127	-	-			
	Số SGD.DN 01130312/M MLC ngày 22/03/2012	12 tháng	1.365.304,84 USD	32.193.888.127	-	32.193.888.127	-	-	Đầu tư tàu VTC Sun	Đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng kiện ra toà	Tàu VTC Sun thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 31/12/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II			8.600.000.000	-	8.600.000.000	-	-			
	Số 83/2011/HĐT ĐĐTĐBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.600.000.000 VND	8.600.000.000	-	8.600.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019 . Hiện tại không còn TSĐB
5	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc			265.001.600.000	-	265.001.600.000	-	-			
	Số 06/2003/HĐT D-TWTW ngày 21/07/2003	144 tháng	30.142.600.000 VND	30.142.600.000	-	30.142.600.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT	Được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 6.500 DWT- Tàu Viễn Đông 3
	Số 05/2005/HĐT D -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	109.382.000.000 VND	109.382.000.000	-	109.382.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT Tàu VTC Dragon
	Số 07/2006/HĐT DSD-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	125.477.000.000 VND	125.477.000.000	-	125.477.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM			277.997.206.305	-	-	24.000.000.000	90.195.000.000			
	Số 1007968.A.10 .HSTD.HCM ngày 01/06/2010	96 tháng	114.195.000.000 VND	114.195.000.000	-	-	24.000.000.000	90.195.000.000	Đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT	Đã quá hạn thanh toán và gia hạn tới tháng 6/2020	Tài sản được hình thành từ vốn vay là tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 31/12/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
7	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM						42.481.781.357	235.515.424.948			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh TP HCM và Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 31/03/2022; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022.	277.997.206.305 VND	277.997.206.305	-			42.481.781.357	235.515.424.948	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TMCP Á Châu phát sinh khi đầu tư mua tàu Planet, Sun, Dragon và các khoản nợ đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn phát sinh khi đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Sun Số hiệu/ số IMO 3WRF-9146895; - Tàu chở hàng khô VTC Dragon 22.500 DWT - Chiếc số 03/KH 2004; - Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippine. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
	Tổng cộng			724.635.493.725	999.578.601	331.443.708.819	66.481.781.357	325.710.424.948			

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	629.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.840.727.077	(2.358.825.542.077)	(1.714.240.872.508)
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(2.039.760.272)	(2.039.760.272)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.091.311.172	-	(1.726.631.772)	(635.320.600)
Tăng do xóa bút toán Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	603.296.689	603.296.689
Số dư cuối kỳ trước	629.993.370.000	88.258.000	10.753.625.664	4.840.727.077	(2.361.988.637.432)	(1.716.312.656.691)
Số dư đầu kỳ này	629.993.370.000	88.258.000	10.753.625.664	4.840.727.077	(2.361.988.637.432)	(1.716.312.656.691)
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	214.539.814.131	214.539.814.131
Phân phối lợi nhuận	-	-	446.013.216	-	(902.823.788)	(456.810.572)
Số dư cuối kỳ này	629.993.370.000	88.258.000	11.199.638.880	4.840.727.077	(2.148.351.647.089)	(1.502.229.653.132)

Theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con của Công ty) số 08/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022, Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại công ty con
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	446.013.216
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	456.810.572
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	8.017.440.526

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	47,44%	298.880.000.000	47,44%	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	3,17%	20.000.000.000	6,35%	40.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	3,56%	22.433.000.000	5,60%	35.264.000.000
Các cổ đông khác	45,82%	288.680.370.000	40,61%	255.849.370.000
	100%	629.993.370.000	100%	629.993.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	629.993.370.000	629.993.370.000
- Vốn góp đầu kỳ	629.993.370.000	629.993.370.000
- Vốn góp cuối kỳ	629.993.370.000	629.993.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.199.638.880	10.753.625.664
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	16.040.365.957	15.594.352.741

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 1.167 m²; 143,4 m² và 431 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	933.480,77	610.521,81
- Đồng Euro (EUR)	0,70	0,70

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.208.068.467	-
- Các khoản đã xóa nợ khác	7.472.240.260	7.472.240.260

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	18.193.180.640	17.000.105.391
Doanh thu cung cấp dịch vụ	759.835.541.581	485.825.065.554
	778.028.722.221	502.825.170.945

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	363.777.987
	-	363.777.987

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.569.516.245	16.470.159.913
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	526.196.493.023	446.823.596.828
	543.766.009.268	463.293.756.741

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.997.495.699	1.393.868.010
Lãi bán các khoản đầu tư	-	67.312.865
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.367.222.697	626.531.659
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	751.160.267	8.599.047.830
	18.115.878.663	10.686.760.364

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	65.537.829.401	86.047.356.982
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.139.964.730	2.084.939.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	418.475.110	-
Chi phí tài chính khác	30.623.481	211.525.906
	94.126.892.722	88.343.822.405

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	12.334.756.586	6.866.554.072
	12.334.756.586	6.866.554.072

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.409.615.993	999.317.356
Chi phí nhân công	17.095.487.241	15.861.639.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	441.895.224	373.373.071
Thuế, phí, lệ phí	1.023.482.426	1.242.111.653
Chi phí dự phòng	-	(1.513.515.211)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.692.240.709	5.082.075.136
Chi phí khác bằng tiền	4.225.262.451	2.725.063.963
	28.887.984.044	24.770.064.970

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	75.800.148.517	258.772.727
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết	85.743.264.176	119.977.169.788
Thu nhập khác	593.933.296	74.161.182
	162.137.345.989	120.310.103.697

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	101.237.380	-
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	61.302.695.075	46.245.412.624
Chi phí quản lý nợ của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	-	2.751.031.420
Chi phí khác	313.420.762	760.167.440
	61.717.353.217	49.756.611.484

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con SCCM	2.873.116.692	2.301.122.376
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con Hải Đăng	36.020.213	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.909.136.905	2.301.122.376
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	49.971.928	(1.203.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	289.309.577	(302.714.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.630.715.484)	(1.707.894.634)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	617.702.926	289.309.577

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	214.539.814.131	(2.039.760.272)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	214.539.814.131	(2.039.760.272)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	62.999.337	62.999.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.405	(32)

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.980.435.614	32.022.206.759
Chi phí nhân công	270.227.623.704	210.182.378.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.589.012.740	144.741.427.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.436.429.177	15.524.246.242
Chi phí khác bằng tiền	126.755.248.663	92.457.700.532
	584.988.749.898	494.927.959.116

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.476.381.562	-	-	34.476.381.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	143.682.722.576	23.249.154.521	-	166.931.877.097
	<u>178.159.104.138</u>	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>	<u>201.408.258.659</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.409.760.141	-	-	19.409.760.141
Phải thu khách hàng, phải thu khác	90.442.143.659	22.279.281.482	-	112.721.425.141
	<u>109.851.903.800</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	<u>132.131.185.282</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	398.925.068.777	325.710.424.948	-	724.635.493.725
Phải trả người bán, phải trả khác	49.595.208.454	8.404.589.178	-	57.999.797.632
Chi phí phải trả	1.227.442.488.901	-	-	1.227.442.488.901
	<u>1.675.962.766.132</u>	<u>334.115.014.126</u>	<u>-</u>	<u>2.010.077.780.258</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	1.057.459.190.206	42.480.771.138	-	1.099.939.961.344
Phải trả người bán, phải trả khác	78.562.357.363	8.404.589.178	-	86.966.946.541
Chi phí phải trả	1.114.935.353.307	-	-	1.114.935.353.307
	<u>2.250.956.900.876</u>	<u>50.885.360.316</u>	<u>-</u>	<u>2.301.842.261.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty vi phạm thời hạn thanh toán hợp đồng vay, các vụ kiện của Ngân hàng từ năm 2015 đến nay cơ bản đã giải quyết xong theo hướng: ngân hàng chuyển giao nguyên trạng khoản nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và DATC đã rút đơn khởi kiện. Hiện tại, Công ty thực hiện đúng thỏa thuận với DATC đối với các khoản nợ đã chuyển giao.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 17/01/2023, theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" về việc xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ, xác định số tiền Công ty phải trả Ngân hàng TMCP Bảo Việt đến ngày 30/12/2022 là 251,066 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đang ghi nhận phần nợ gốc và nợ lãi với số tiền lần lượt là 144,195 tỷ và 77,565 tỷ. Công ty chưa ghi nhận tiền phạt là 29,306 tỷ vì nhận được số liệu này sau ngày lập báo cáo tài chính. Do đó chỉ tiêu chi phí tài chính trong kỳ chưa phản ánh đầy đủ tiền phạt phải trả Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/NQ-HĐQT ngày 25/08/2022 và công văn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 546/UBCK - QLCB ngày 09/02/2023 về việc nhận tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua hoán đổi vào ngày 31/01/2023.

Thông tin chi tiết về giao dịch tăng vốn như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 4.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương tổng giá trị phát hành thêm: 40.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu sau phát hành: 669.993.370.000 đồng;
- Hình thức phát hành: Thông qua hoán đổi một phần giá trị khoản Vay với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Đối tượng được phân phối: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Ngày phát hành hoàn thành: Ngày 31/01/2023.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	651.955.063.557	126.073.658.664	778.028.722.221
Chi phí bộ phận trực tiếp	441.659.111.730	102.123.297.538	543.782.409.268
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	210.312.351.827	23.950.361.126	234.262.712.953
Tài sản bộ phận trực tiếp	564.894.543.725	9.242.100.012	574.136.643.737
Tổng tài sản	564.894.543.725	9.242.100.012	574.136.643.737
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.076.366.296.869	-	2.076.366.296.869
Tổng nợ phải trả	2.076.366.296.869	-	2.076.366.296.869

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	738.020.649.066	40.008.073.155	778.028.722.221
Tài sản bộ phận	-	-	574.136.643.737

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	719.726.151	549.237.835
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	721.696.249	510.359.353
Bà Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	556.891.845	390.926.164
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng giám đốc	475.653.340	365.852.050
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	48.000.000	28.000.000
Ông Trần Trung Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	28.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban BKS	48.000.000	28.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên BKS	36.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên BKS	36.000.000	21.000.000

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Kim Phụng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số : 63 /TCKT

V/v: Giải trình kết quả kiểm toán
BCTC Tổng hợp và Hợp nhất năm 2022.

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2023

Kính gửi :

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Điều 11 tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Mã chứng khoán: VST) xin giải trình các nội dung tại Báo cáo Tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2022 như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	So sánh (tăng + / giảm -)	
			Giá trị	%
Tổng doanh thu tại BCTC Hợp nhất	958.282	633.822	324.460	51%
<i>Trong đó, Tổng doanh thu tại BCTC Tổng hợp</i>	729.631	458.781	270.850	59%
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Hợp nhất	214.540	-2.040	216.580	
<i>Trong đó, lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Tổng hợp</i>	211.850	-9.281	221.131	

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, theo đó kết quả kinh doanh lãi hơn 214 tỷ đồng, giảm lỗ hơn 216 tỷ so với cùng kỳ năm 2021, vì những nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần tăng hơn 275 tỷ đồng so với năm 2021, một phần do giá cước vận tải được cải thiện và do tăng doanh thu cho thuê thuyền viên sau thời gian giãn cách vì dịch bệnh Covid-19.

- Tổng chi phí tăng 89 tỷ, chủ yếu do tăng lương khối thuyền viên, đồng thời do trong kỳ Công ty ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, lãi phạt liên quan khoản vay vốn lưu động và vay mua tàu VTC Phoenix tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

- Lợi nhuận khác tăng gần 30 tỷ từ nhượng bán tàu VTC Planet và do được giảm trừ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

2. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có nêu ý kiến ngoại trừ, Công ty giải trình như sau:

(1) Khả năng hoạt động liên tục, do bởi chỉ tiêu lũy kế lợi nhuận kế toán âm và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn: Đây là đặc điểm chung của các doanh nghiệp vận tải biển trong thời gian tái cơ cấu. Hiện tại, Công ty vẫn duy trì hoạt động SXKD ổn định nhờ dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ dương hơn 314 tỷ đồng.

(2) Khoản phạt 29,306 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa được Công ty ghi nhận năm 2022, nguyên nhân do Công ty không nhận được Thông báo của ngân hàng về khoản phạt trên. Đến ngày 17/01/2023, theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" mới thể hiện khoản phạt là 29,306 tỷ. Hiện Công ty đang làm rõ về nội dung này, đồng thời khẳng định Công ty không có nghĩa vụ trả khoản phạt cho DATC.

Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục ý kiến kiểm toán như sau:

1- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, chủ động tìm kiếm giải pháp mới trong kinh doanh, hướng đến mục tiêu tăng thu - giảm chi, góp phần giảm lỗ, chờ cơ hội thị trường hồi phục.

2- Tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để triển khai kế hoạch mua và xử lý tài chính đối với các khoản nợ vay tại ngân hàng, kể cả khoản vay đóng tàu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, có phương án xử lý khoản phí phạt của Ngân hàng TMCP Bảo Việt chuyển giao sau khi làm rõ. Đàm phán với các Ngân hàng để tìm kiếm phương án tái cơ cấu nợ tối ưu giúp giảm chi phí lãi vay.

Trên đây là ý kiến giải trình của VST kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.



Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS (báo cáo)
- Tký Cty
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Lương